| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 01/QĐ-PT | *Quảng Trị, ngày 17 tháng 01 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 06/2018/QĐST-KDTM tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, thành phố H.

**- Bị đơn**: Công ty TNHH một thành viên N; địa chỉ: Số 66 L1, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị L2; cùng địa chỉ: Số 68A L1, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 02/11/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm với lý do: Ngân hàng TMCP V không đồng ý với Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy quyết định tạm đình chỉ để Tòa án nhân dân thành phố Đ tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

## XÉT THẤY:

Ngày 15/01/2019, Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 10/2018/TLPT-KDTM ngày 24/12/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa:

**Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, thành phố H.

**Bị đơn**: Công ty TNHH một thành viên N; địa chỉ: Số 66 L1, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị L2; cùng địa chỉ: Số 68A L1, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

**2.** Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 06/2018/QĐST-KDTM ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định này.

**3.** Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Ngân hàng TMCP V phải chịu 1.000.000 *(Một triệu)* đồng án phí KDTM phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0009428 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.000.000 *(Một triệu)* đồng.

**4.** Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để giải quyết vụ án theo thủ tục chung khi lý do tạm đình chỉ không còn.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Lê Anh Dũng**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:***

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở

đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày…. tháng…..năm…. nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).